ĐỀ ÔN TẬP SỐ……

KÌ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút

SỞ GD & ĐÀO TẠO BẮC NINH

TRƯỜNG THPT THUẬN THÀNH SỐ 2

Giáo viên ra đề: Nguyễn Thị Hà Trường THPT Kinh Bắc

Giáo viên thẩm định:

**Câu 41:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG SẮN CỦA CAM-PU-CHIA VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Đơn vị: Triệu tấn)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Cam-pu-chia | 11,9 | 13,4 | 12,7 | 13,1 | 14,9 |
| Việt Nam | 10,7 | 11,3 | 10,5 | 10,7 | 10,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng với sản lượng sắn của Cam-pu-chia và Việt Nam, giai đoạn 2015 - 2021?

**A.** Việt Nam tăng nhiều hơn Cam-pu-chia. **B.** Việt Nam tăng nhanh hơn Cam-pu-chia.

**C.** Cam-pu-chia tăng nhanh hơn Việt Nam. **D.** Cam-pu-chia tăng và Việt Nam giảm.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào có biên độ nhiệt độ trung bình năm cao nhất trong các trạm sau?

**A.** Đà Nẵng. **B.** Nha Trang. **C.** Đà Lạt. **D.** Cần Thơ.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lươngthực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

**A.** Buôn Ma Thuột. **B.** Bảo Lộc. **C.** Đà Nẵng. **D.** Nha Trang.

**Câu 44:** Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta hiện nay

**A.** có cơ cấu sản phẩm kém đa dạng. **B.** có thị trường tiêu thụ sản phẩm lớn.

**C.** chủ yếu dựa vào nguyên liệu nhập. **D.** chỉ phân bố ở các đô thị đông dân.

**Câu 45:** Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG ĐẬU TƯƠNG CỦA CAM-PU-CHIA VÀ THÁI LAN, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng đậu tương của Cam-pu-chia và Thái Lan, giai đoạn 2015 - 2021?

**A.** Cam-pu-chia giảm nhanh hơn Thái Lan. **B.** Cam-pu-chia giảm chậm hơn Thái Lan.

**C.** Thái Lan giảm nhiều hơn Cam-pu-chia. **D.** Thái Lan giảm và Cam-pu-chia tăng.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết khu kinh tế ven biển Định An thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Trà Vinh. **B.** Khánh Hòa. **C.** Quảng Bình. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết cây thuốc lá được trồng nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?

**A.** Đồng Nai. **B.** Bình Dương. **C.** Bình Phước. **D.** Tây Ninh.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết hồ Yaly thuộc lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

**A.** Sông Thu Bồn. **B.** Sông Mê Công. **C.** Sông Đồng Nai. **D.** Sông Đà Rằng.

**Câu 49:** Biện pháp chủ yếu để nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp ở nước ta là

**A.** phát triển mạnh công nghiệp dầu khí. **B.** đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

**C.** cần xây dựng cơ cấu ngành linh hoạt. **D.** ưu tiên phát triển công nghiệp điện.

**Câu 50:** Thuận lợi đối với khai thác hải sản ở Đông Nam Bộ là

**A.** đường bờ biển dài, nhiều bãi biển. **B.** thềm lục địa rộng, có các mỏ dầu.

**C.** vùng biển rộng, có các ngư trường. **D.** rừng ngập mặn rộng, nhiều bãi triều.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết cây hồ tiêu được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Phú Yên. **B.** Ninh Thuận. **C.** Khánh Hòa. **D.** Bình Thuận.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ cho biết khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây in?

**A.** Quảng Trị. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Quảng Bình. **D.** Nghệ An.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết cảng nào sau đây là cảng biển?

**A.** Ninh Bình. **B.** Mỹ Tho. **C.** Vũng Áng. **D.** Cần Thơ.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây gắn với di sản thiên nhiên thế giới?

**A.** Vịnh Hạ Long. **B.** Phố cổ Hội An. **C.** Di tích Mỹ Sơn. **D.** Cố đô Huế.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây vừa giáp với Đồng bằng sông Hồng và giáp với Bắc Trung Bộ?

**A.** Hòa Bình. **B.** Phú Thọ. **C.** Thái Nguyên. **D.** Bắc Giang.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết nơi nào sau đây là một điểm công nghiệp?

**A.** Huế. **B.** Việt Trì. **C.** Sinh Quyền. **D.** Thái Nguyên.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí trang Dân số, cho biết tỉnh nào sau đây có vùng mật độ dân số dưới 50 người/km2?

**A.** Lạng Sơn. **B.** Phú Thọ. **C.** Bắc Giang. **D.** Vĩnh Phúc.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính,cho biết tỉnh nào sau đây giáp với Campuchia cả trên đất liền và trên biển?

**A.** Kiên Giang. **B.** An Giang. **C.** Đồng Tháp. **D.** Cà Mau.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết cao nguyên nào sau đây thuộc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

**A.** Mộc Châu. **B.** Sơn La. **C.** Mơ Nông. **D.** Tà Phình.

**Câu 60:** Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến suy giảm tài nguyên rừng ở nước ta là

**A.** cháy rừng trên diện rộng, phát triển thủy điện.

**B.** du canh du cư, phát triển vùng chuyên canh.

**C.** khai thác quá mức và tình trạng cháy rừng.

**D.** khai thác khoáng sản và nuôi trồng thủy sản.

**Câu 61:** Nơi nào sau đây của nước ta thường xảy ra lũ ống?

**A.** Miền núi. **B.** Trung du. **C.** Đồng bằng. **D.** Ven biển.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có số lượng bò lớn nhất Tây Nguyên?

**A.** Đắk Lắk. **B.** Lâm Đồng. **C.** Đắk Nông. **D.** Gia Lai.

**Câu 63:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất nông sản xuất khẩu ở nước ta hiện nay là

**A.** tăng hiệu quả kinh tế và phát triển nông nghiệp hàng hóa.

**B.** đáp ứng nhu cầu thị trường và tăng thu nhập cho người dân.

**C.** đẩy mạnh sản xuất, thúc đẩy ngành ngoại thương phát triển.

**D.** tăng thu nhập, đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa nông thôn.

**Câu 64:** Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị thủy sản nuôi trồng nước lợ hiện nay ở nước ta là

**A.** mở rộng đối tượng nuôi, đẩy mạnh đầu tư.

**B.** ứng dụng tiến bộ kĩ thuật, tăng thâm canh.

**C.** sử dụng các giống mới, mở rộng diện tích.

**D.** tăng cường chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.

**Câu 65:** Phát biểu nào sau đây đúng với sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta hiện nay?

**A.** Đáp ứng đầy đủ sự phát triển đất nước.

**B.** Còn chưa theo hướng công nghiệp hóa.

**C.** Tốc độ chuyển dịch diễn ra còn chậm.

**D.** Nhà nước quản lí các ngành then chốt.

**Câu 66:** Nguồn lao động nước ta hiện nay

**A.** giàu kinh nghiệm trong kinh doanh. **B.** phân bố rất đồng đều giữa các vùng.

**C.** có trình độ khoa học kĩ thuật rất cao. **D.** cả chất lượng và số lượng đều tăng.

**Câu 67:** Các đảo ven bờ nước ta

**A.** đều là nơi có các vườn quốc gia. **B.** đều tập trung khai thác dầu mỏ.

**C.** có tiềm năng phát triển du lịch. **D.** trồng rất nhiều cây công nghiệp.

**Câu 68:** Ảnh hưởng của vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ đến sông ngòi nước ta là

**A.** phần lớn sông nhỏ, nhiều nước, thủy chế theo mùa.

**B.** sông ngắn, dốc, phần lớn hướng tây bắc - đông nam.

**C.** thủy chế theo mùa, diễn biến thất thường, độ dốc lớn.

**D.** phần lớn lưu vực nằm ngoài lãnh thổ, nhiều sông lớn.

**Câu 69:** Tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa của nước ta là

**A.** khó khăn cho việc khai thác tài nguyên. **B.** gây lãng phí nguồn lao động có trình độ.

**C.** gia tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường. **D.** cản trở quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 70:** Hướng phát triển của ngành bưu chính nước ta hiện nay là

**A.** sử dụng lao động chưa qua đào tạo. **B.** tăng quy trình nghiệp vụ thủ công.

**C.** chỉ tập trung tại đồng bằng, đô thị. **D.** đẩy mạnh tự động hóa, tin học hóa.

**Câu 71:** Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** cơ sở vật chất kĩ thuật, hạ tầng được chú trọng phát triển.

**B.** dân đông, chất lượng nguồn lao động dần được nâng lên.

**C.** nguồn khoáng sản đa dạng và năng lượng dồi dào, giá rẻ.

**D.** vị trí địa lí chiến lược, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm.

**Câu 72:** Nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho du lịch biển - đảo nước ta ngày càng phát triển?

**A.** Khí hậu nhiệt đới, số giờ nắng cao, có đảo - quần đảo, bãi biển đẹp.

**B.** Dân số đông, lao động trong ngành du lịch dồi dào, đã qua đào tạo.

**C.** Có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, giao thông thuận lợi.

**D.** Cơ sở vật chất kĩ thuật tốt hơn, nhu cầu du lịch ngày càng tăng.

**Câu 73:** Cho biểu đồ về sản lượng một số mặt hàng nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021:



*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Thay đổi cơ cấu sản lượng. **B.** Quy mô và cơ cấu sản lượng.

**C.** Tốc độ tăng sản lượng. **D.** Quy mô sản lượng.

**Câu 74:** Việc đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp ở Tây Nguyên nhằm mục đích chủ yếu là

**A.** phân bố lại sản xuất, sử dụng tốt tài nguyên.

**B.** phát huy thế mạnh, tạo nhiều loại nông sản.

**C.** thúc đẩy chế biến, mở rộng các loại dịch vụ.

**D.** tạo ra việc làm, thu hút nhiều nguồn đầu tư.

**Câu 75:** Hoạt động công nghiệp ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay có bước phát triển mạnh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Cơ sở hạ tầng kĩ thuật được cải thiện, thu hút nhiều vốn đầu tư.

**B.** Giàu tài nguyên thiên nhiên, hình thành nhiều khu công nghiệp.

**C.** Hạ tầng giao thông đồng bộ, kinh tế biển ngày càng phát triển.

**D.** Cơ sở năng lượng được đảm bảo, chất lượng lao động cải thiện.

**Câu 76:** Tác động chủ yếu của biến đổi khí hậu đến Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** xâm nhập mặn vào sâu trong đất liền, mùa khô kéo dài, sạt lở gia tăng.

**B.** nhiệt độ trung bình năm giảm, mùa bão đến sớm hơn, thiếu nước ngọt.

**C.** mùa khô sâu sắc, thuỷ triều mạnh, diện tích đất phèn mở rộng nhanh.

**D.** mực nước ngầm hạ thấp, hạn hán nghiêm trọng, môi trường ô nhiễm.

**Câu 77:** Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Tăng trưởng kinh tế nhanh; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, môi trường.

**B.** Phát huy các tiềm năng có sẵn; giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

**C.** Phát triển nhanh đô thị hóa; giải quyết vấn đề về tài nguyên, môi trường.

**D.** Đẩy nhanh công nghiệp hóa và hiện đại hóa; giải quyết vấn đề việc làm.

**Câu 78:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

**A.** tạo ra sản phẩm hàng hóa, đa dạng sản xuất.

**B.** phát huy thế mạnh, tạo nông sản xuất khẩu.

**C.** thay đổi cơ cấu sản xuất, tăng trưởng kinh tế.

**D.** mở rộng phân bố sản xuất, tạo nhiều việc làm.

**Câu 79:** Địa hình nước ta chịu tác động mạnh mẽ của quá trình bóc mòn chủ yếu do

**A.** chế độ thủy triều phức tạp, vùng biển rộng, khí hậu nóng, mưa mùa.

**B.** núi đá vôi trải rộng, mưa lớn, tập trung, lớp phủ thực vật bị tàn phá.

**C.** bờ biển dài, nhiều đồi núi, sườn dốc, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

**D.** mức độ chia cắt địa hình lớn, khí hậu nóng ẩm, vỏ phong hóa dày.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Khai thác | 3176,5 | 3463,9 | 3829,3 | 3896,5 | 3937,1 |
| Nuôi trồng | 3550,7 | 3938,7 | 4592 | 4739,2 | 4855,4 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta giai đoạn 2015 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Cột. **B.** Kết hợp. **C.** Miền. **D.** Đường.